

Số: 97 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục  
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin  
của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 20/3/2022 của Hội đồng,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 43 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.



2. Kiến nghị Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

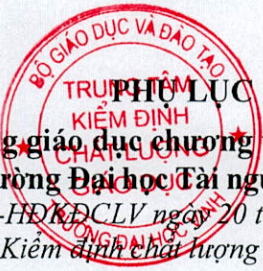
3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**

**CHỦ TỊCH**







**PHỤ LỤC 1**

**Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh**  
(Kèm theo Nghị quyết số 97/NQ-HĐKĐCLV ngày 20 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                                    |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ<br>số tiêu<br>chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67                           | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 4                        | 100                                |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 1.2            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 4,00                        | 3                        | 100                             | Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                          |                                 | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,00                        | 5                        | 100                                |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.1            | 4                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67                           | Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.5            | 4                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67                           | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 3,80                        | 3                        | 60,0                               |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.1            | 3                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.2            | 3                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 4.3            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.3            | 5                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | 3,80                        | 4                        | 80,0                            | Tiêu chí 9.4            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                          |                                 | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 4,17                        | 6                        | 100                                |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | 4,29                        | 7                        | 100                             | Tiêu chí 10.4           | 5                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.1            | 5                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                          |                                 | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 3,80                        | 4                        | 80,0                               |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.1           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.3           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.7            | 5                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.4           | 3                          |                             |                          |                                    |
|                         |                            |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Mức trung bình          |                            |                             |                          |                                 | Tổng số tiêu chí đạt    |                            | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)   |                          |                                    |
| 3,94                    |                            |                             |                          |                                 | 43                      |                            | 86                          |                          |                                    |

ĐỤC VÀ  
UNG  
KIỂM Đ  
HẤT LL  
GIÁO D  
ÔNG Đ

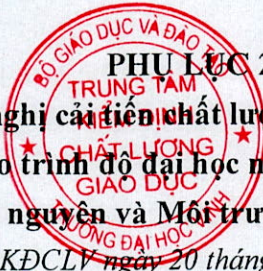


!!

WORLD  
COUNCIL  
FOR  
ECONOMIC  
CO-OPERATION  
AND  
DEVELOPMENT  
GENEVA  
1970







## PHỤ LỤC 2

### **Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh**

(Kèm theo Nghị quyết số 97/NQ-HĐKĐCLV ngày 20 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin (gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016-2021, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá ngoài cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường; chuẩn đầu ra được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo nhu cầu xã hội; bản mô tả CTĐT đầy đủ các nội dung theo quy định, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố công khai; chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; các hoạt động dạy và học, các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp; năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên và nhân viên được quản lý và đánh giá bằng các tiêu chí, chỉ số cụ thể; chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản cho học tập, thực hành, rèn luyện sức khỏe; các hoạt động ngoại khóa mang đặc trưng của ngành được chú trọng; các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành được đầu tư, có trang thiết bị phù hợp, hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT được triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Mục tiêu của CTĐT cần được rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chỉnh sửa CTĐT trên cơ sở khảo sát các bên liên quan phù hợp với đặc thù của CTĐT, bảo đảm phù hợp hơn với Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018, đồng thời đáp ứng yêu cầu của xã hội cuộc cách mạng 4.0; xác định cụ thể các mức năng lực của chuẩn đầu ra bám sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với đặc thù của Trường, của CTĐT và mục tiêu đào tạo ngành Công nghệ thông tin đang hướng tới;

(ii) Cần xây dựng Bản mô tả với đầy đủ thông tin về CTĐT; cần định kỳ rà soát, hoàn thiện hệ thống đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, lưu ý cập nhật các vấn đề mới liên quan trong lĩnh vực công nghệ thông tin để xem xét đưa vào CTĐT; cần đ

ĐẠI  
HỌC  
TÀI  
NGUYÊN  
VÀ  
MÔI  
TRƯỜNG  
TP. HỒ CHÍ MINH



dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và hệ thống đề cương chi tiết của các học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt, sử dụng;

(iii) Cần xây dựng ma trận đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và thể hiện được cấu trúc tích hợp chuẩn đầu ra để làm căn cứ xây dựng cấu trúc và nội dung các học phần cho phù hợp; làm rõ tính liên kết giữa các học phần bảo đảm đạt được các chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học; cần ban hành các tiêu chí lựa chọn các đối tác để thực hiện tham khảo, đối sánh khi xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CTĐT;

(iv) Triết lý giáo dục của Nhà trường cần được chuyển tải phù hợp vào trong nội dung chương trình, các hoạt động dạy và học, kiểm tra/đánh giá của CTĐT; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về triết lý giáo dục đến các bên liên quan; cần tăng cường tổ chức/tham gia các hội thảo khoa học, các hoạt động chuyên đề về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy tiên tiến; các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá cần hướng tới phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời;

(v) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về công tác thi, kiểm tra đánh giá, quy trình phản hồi thông tin về kết quả học tập đảm bảo tính cập nhật đồng thời hỗ trợ người học điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp hơn; cần thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra/đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp; cần có hình thức giám sát, đánh giá đối với hoạt động tự học của sinh viên; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để làm căn cứ cải tiến nâng cao chất lượng công tác thi, kiểm tra/đánh giá; cần định kỳ đánh giá tính hiệu quả của việc thực hiện quy định về thi, kiểm tra/đánh giá để có những điều chỉnh trong quá trình thực hiện, bảo đảm đánh giá được mức độ đạt được các chuẩn đầu ra;

(vi) Cần xây dựng kế hoạch dài hạn và giải pháp khả thi để phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao cho CTĐT; cần hoàn thiện hệ thống văn bản về khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo, cũng như giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên; cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực thi công việc; cần tăng cường đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên nhằm gia tăng số lượng và chất lượng các loại hình nghiên cứu khoa học, tạo những sản phẩm có tính ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ, phát huy tiềm năng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên công nghệ thông tin của Nhà trường;

(vii) Cần rà soát, đánh giá công việc thực tế của đội ngũ nhân viên để hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp hơn; cần tăng cường áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực, chỉ số thực hiện và kết quả hoạt động; cần lượng



hóa hiệu quả công việc, đảm bảo phân công khối lượng công việc phù hợp cho từng nhân viên hỗ trợ; cần xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên theo yêu cầu thực tế;

(viii) Cần định kỳ rà soát chính sách tuyển sinh, điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp hơn với mục tiêu của CTĐT và thực tiễn; cần phân tích xu hướng chất lượng đầu vào của người học để phân bổ nguồn lực đào tạo hiệu quả và có những biện pháp hỗ trợ kịp thời; cần chú trọng đánh giá khối lượng và hiệu quả của các bộ phận/cá nhân trong công tác giám sát và hỗ trợ người học để kịp thời điều chỉnh phù hợp; cần tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp,... để giúp sinh viên nắm bắt được yêu cầu thực tiễn, sớm tiếp cận với nghề nghiệp tương lai và định hướng việc làm;

(ix) Cần có kế hoạch cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cần sớm chuẩn hoá thư viện, chú trọng xây dựng thư viện điện tử, mở rộng kết nối kết nối với các nguồn tài liệu mở cũng như mạng lưới thư viện các trường đại học trong và ngoài nước; cần có kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo định hướng chuyển đổi số; cần tăng cường ứng dụng các phần mềm quản lý, phần mềm chuyên ngành để hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động của Nhà trường;

(x) Cần hoàn thiện hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với CTĐT, sử dụng hiệu quả phản hồi của các bên liên quan để cập nhật, đổi mới nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ người học; cần có chính sách, đầu tư kinh phí, có biện pháp tích cực để tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý đến quy định/hướng dẫn về việc sử dụng, chuyển tải kết quả nghiên cứu khoa học thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học trong các CTĐT của Trường; cần tăng cường khảo sát đầy đủ, đồng bộ ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, cải tiến công tác thi, kiểm tra đánh giá;

(xi) Cần nghiên cứu, phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học, tốt nghiệp không đúng hạn của CTĐT với các CTĐT trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước; cần chú trọng tiếng Anh chuyên ngành, quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học; đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đảm bảo đúng quy định theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ; cần quan tâm hơn nữa đến việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp, để có căn cứ đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

\* \* \*



Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 09/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

-----